

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 238/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 01 - 4 - 2024

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Tú Nga

2. Ông Nguyễn Ron

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Toà án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Ngọc Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1979

- Bị đơn: Ông Trần Thanh B, sinh năm 1970

Đồng trú tại: Tổ 47B, Khu phố 9, phường H, Tp. Q, tỉnh B

(Bà C có đơn xin xét xử vắng mặt; ông B vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2023 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Trần Thanh B có tìm hiểu nhau, tự nguyện cưới vào năm 1997, đến ngày 30/9/2002 hai bên đi đăng ký kết hôn tại UBND phường H, Tp. Q. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Đến năm 2013 ông B có tính bạo lực tình dục, thường xuyên đánh đập bà nhưng vì gia đình và các con nên bà cố chịu đựng. Thời gian này bà nhiều lần tìm cách nói chuyện để ông B sửa đổi tính cách nhưng ông B không thay đổi; từ đó vợ chồng sống lạnh nhạt, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng tự sống ly thân. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn

được nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục duy trì nên bà yêu cầu ly hôn ông B.

- Về con chung: Bà với ông B có 02 con chung là anh Trần Hữu T, sinh năm 1997 và anh Trần Hữu N, sinh năm 1998. Hiện tại anh T và anh N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn ông Trần Thanh B: Tòa đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng ông B không đến Tòa làm việc nên Tòa không lấy được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C được ly hôn ông Trần Thanh B.

+ Về tài sản chung và con chung: Không xem xét giải quyết

+ Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Kim C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với ông Trần Thanh B, trú tại: Tổ 47B, Khu phố 9, phường H, Tp. Q, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

[1.2] Về vắng mặt đương sự:

- Đối với nguyên đơn: Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn ông Trần Thanh B để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B không đến Tòa. Trước khi xét xử, Tòa án tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông B không có mặt tại phiên tòa, vắng mặt lần thứ 02 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Trần Thanh B tự nguyện cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, Tp. Q vào ngày 30/9/2002 trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông B là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà C trình bày, sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Tuy nhiên đến năm 2013 hai bên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông B có tính bạo lực tình dục, thường xuyên đánh đập bà; hai bên hay cãi nhau nhưng vì gia đình và các con nên bà cố chịu đựng. Bà nhiều lần động viên, tìm cách nói chuyện mong ông B sửa đổi tính cách nhưng không được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; từ đó vợ chồng sống lạnh nhạt, không ai quan tâm đến ai, hai bên sống ly thân. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục duy trì nên bà yêu cầu ly hôn ông B.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng bà C và ông B sống ly thân trong thời gian dài, cả hai không có sự quan tâm, chăm sóc, không có trách nhiệm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông B đến Tòa để hòa giải và xét xử nhưng ông B không đến Tòa điều đó chứng tỏ ông không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, bà C yêu cầu ly hôn ông B là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Trần Thanh B có 02 con chung là anh Trần Hữu T, sinh năm 1997 và anh Trần Hữu N, sinh năm 1998. Hiện tại anh T và anh N đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống riêng. Quá trình giải quyết vụ án bà C không yêu cầu giải quyết về con chung nên Tòa không xem xét giải quyết

[2.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kim C không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim C được ly hôn ông Trần Thanh B.
2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Trần Thanh B có 02 con chung là anh Trần Hữu T, sinh năm 1997 và anh Trần Hữu N, sinh năm 1998. Hiện tại anh T và anh N đã trưởng thành, có khả năng lao động. Bà C không yêu cầu giải quyết về con chung nên Tòa không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kim C không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.
4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000384 ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (bà C đã nộp xong).
5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- UBND P. Hải Cảng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ung Quang Định

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tú Nga

Nguyễn Ron

Ung Quang Định